

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Duy Văn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1986; cư trú tại: Số nhà HN/HS, đường TNL, Tổ M, Khu phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ TM, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Các đương sự vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian khoảng 01 năm gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt. Anh T hay đi nhậu, mỗi lần nhậu về là xúc phạm chị H, chị H đã

nhiều lần tạo điều kiện cho anh T sửa đổi, nhưng không có kết quả. Chị H nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy nên từ tháng 4/2021 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17/8/2013. Từ tháng 4/2021 cho đến nay chị H và cháu Q sống chung với nhau, còn anh T sống tại nơi khác. Do vậy, sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với chị Nguyễn Thị Minh H về quá trình chung sống, việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào năm 2013; đồng thời anh T cũng thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng và xác định do tính chất công việc nên hay phải nhậu, tiếp khách. Từ tháng 4/2021 cho đến nay anh chị sống ly thân với nhau. Hiện nay, anh T đang cố gắng thay đổi và do anh T vẫn còn tình cảm và thương yêu chị H nên trước yêu cầu của chị H thì anh T mong muốn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17/8/2013. Từ tháng 4/2021 cho đến nay, chị H và cháu Q sống với nhau, còn anh T sống tại nơi khác. Trường hợp phải ly hôn, thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 07 tháng 9 năm 2022, chị Nguyễn Thị Minh H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17/8/2013 nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2013, ngày 26 tháng 3 năm 2013 chị H và anh T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, do đó hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; anh T đi nhậu rất nhiều, không quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; từ tháng 4/2021 cho đến nay chị H và anh T sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, chị H và anh T không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chính anh T thừa nhận anh T hay phải đi nhậu để tiếp khách dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và anh đang sửa chữa, tuy nhiên chị H xác định anh T đã hứa rất nhiều lần nhưng không có kết quả nên chị H kiên quyết ly hôn với anh T.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung:* Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17/8/2013. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; còn anh T cho rằng trường hợp phải ly hôn thì anh T có yêu cầu được

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Q. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu chị H và anh T cung cấp chứng cứ để chứng minh cho khả năng nuôi con của mình, tuy nhiên chỉ mình chị H cung cấp về thu nhập hàng tháng của mình, còn anh T thì không cung cấp. Hơn nữa, từ khi sống ly thân cho đến nay, cháu Q vẫn đang sinh sống cùng với chị H; đồng thời cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng với chị H. Mặt khác, tại bản tự khai của anh T nộp cho Tòa án, chính anh T xác định không nhớ ngày tháng năm sinh của cháu Q, điều này chứng tỏ mức độ quan tâm của anh T cho cháu Q là không nhiều. Vì vậy, để con chung của chị H và anh T có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên yêu cầu của chị H về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng; anh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17/8/2013.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người

trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Minh H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000288 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng